

Bản án số: 92/2023/HS-ST
Ngày: 28-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Ông Phạm Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh năm: 1981; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1981. ĐKKHKT và nơi ở: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Phạm Văn T1, sinh năm 1961; con bà: Trần Thị K, sinh năm 1962; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2023 đến ngày 20/4/2023 thì chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1982; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; ĐKKHKT và nơi ở: Xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Nguyễn Đức C, sinh năm 1941; con bà: Trần Thị L, sinh năm 1946; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992; có hai con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/4/2023 đến ngày 20/4/2023 thì chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Triệu Văn H1, sinh năm: 2000, HKTT: xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.
2. Anh Mai Văn P, sinh năm: 2000, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
3. Anh Nguyễn Minh K, sinh năm: 1997, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
4. Anh Trần Văn T2, sinh năm: 1997, trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1982, trú tại: T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
6. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm: 1971, trú tại: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
7. Anh Lã Văn H4, sinh năm: 1999, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
8. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1999, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
9. Anh Lê Xuân H4, sinh năm: 1995; Trú tại: TDP số 11, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định.
10. Ông Vũ Tiến D, sinh năm: 1968, trú tại: TDP 4B, TT. C, huyện H, tỉnh Nam Định.
11. Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm: 1978; trú tại: xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
12. Anh Trần Văn T3, sinh năm: 1996; Trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
13. Anh Phạm Văn D1, sinh năm: 2000; Trú tại: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
14. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1997, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
15. Anh Phạm Thanh H1, sinh năm: 1990, trú tại: khu 10, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định.
16. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1973, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
17. Anh Trần Văn H5, sinh năm: 1983, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
18. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1986, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

19. Anh Nguyễn Việt H4, sinh năm: 1972, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
20. Anh Bùi Văn V, sinh năm: 1985, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
21. Anh Hoàng Văn M, sinh năm: 2000, trú tại: khu 6, TT T, huyện H, tỉnh Nam Định
22. Anh Trương Văn D2, sinh năm: 1990, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
23. Anh Lê Văn H5, sinh năm: 1990, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
24. Chị Vũ Thị T5, sinh năm: 1990, trú tại: xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
25. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1989, trú tại: TDP số 2, TT T, huyện H, tỉnh Nam Định
26. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978, trú tại: xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
27. Anh Phạm Văn K1, sinh năm: 1993, trú tại: xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
28. Anh Vũ Xuân T6, sinh năm: 1982, trú tại: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
29. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1993, trú tại: xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
30. Anh Vũ Văn B, sinh năm: 1976, trú tại: xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
31. Anh Phạm Minh P2, sinh năm: 1992, trú tại: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
32. Anh Phạm Văn H6, sinh năm: 1979, trú tại: xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
33. Anh Phạm Văn T3, sinh năm: 1988, trú tại: xóm 7B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
34. Anh Nguyễn Văn P2, sinh năm: 1988, trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
35. Chị Hoàng Thị T7 , sinh năm: 1983, trú tại: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
36. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1984, trú tại: T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
37. Chị Nguyễn Thị T8, sinh năm: 1988, trú tại: T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

38. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm: 1987, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

39. Anh Lê Văn K1, sinh năm: 1975, trú tại: xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

40. Chị Đoàn Thị T9, sinh năm: 1996, trú tại: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

41. Bà Đinh Thị D3, sinh năm: 1969, trú tại: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

42. Anh Nguyễn Văn T10, sinh năm: 1986; trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

43. Anh Trần Văn T2, sinh năm: 1999, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

44. Anh Bùi Tiến D, sinh năm: 1994, trú tại: xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

45. Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm: 1997, trú tại: xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

46. Chị Trần Thị Y, sinh năm: 1972; Trú tại: TDP số 8, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định

47. Anh Trần Văn H6, sinh năm: 1997; Trú tại: xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

48. Anh Phạm Văn T11, sinh năm: 1985, trú tại: xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

49. Chị Trần Thị M2, sinh năm: 1980, trú tại: TDP số 16, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định.

50. Anh Vũ Văn T12, sinh năm: 1993; Trú tại: xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

51. Anh Nguyễn Văn H7, sinh năm: 1988; Trú tại: xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

52. Chị Lã Thị N3, sinh năm: 1977, trú tại: xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

53. Chị Đoàn Thị H8, sinh năm: 1999; Trú tại: xóm H, xã H2, huyện H, tỉnh Nam Định.

54. Anh Trần Văn T13, sinh năm: 1975; Trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà: Các bị cáo đều có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2021, Nguyễn Văn D và Phạm Văn T bàn bạc, thống nhất chung với nhau mở hiệu cầm đồ trên địa bàn xã H, huyện H, tỉnh Nam Định để cầm cố tài sản và cho khách vay tiền, D và T mỗi người góp vốn 300.000.000 đồng. Do Nguyễn Văn D và Phạm Văn T đều có hộ khẩu tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên không đủ điều kiện xin cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh D3 dịch vụ cầm đồ tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Biết Phạm Văn T14, sinh năm:1985, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và Nguyễn Văn C2 (em trai của Nguyễn Văn D); sinh năm: 1984; trú tại: xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là người mở hiệu cầm đồ có giấy phép kinh doanh tại địa điểm nhà anh Trần Văn P3, sinh năm: 1975; trú tại: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, hiện tạm dừng hoạt động. D đặt vấn đề với C2 về việc nhượng lại giấy phép kinh doanh hoạt động cầm đồ của cửa hàng nêu trên. C2 thỏa thuận với D về việc trước khi tạm dừng hoạt động kinh doanh, cửa hàng có 24 hợp đồng vay tiền mà khách còn nợ, chưa trả với tổng số tiền là 170.000.000 đồng, để sang nhượng cửa hàng, D và T phải mua lại 24 hợp đồng với giá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). D, T đồng ý và đã chuyển đủ số tiền 100.000.000 đồng cho C2, nhận được giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ đứng tên Nguyễn Đức T14 và 24 hợp đồng vay tiền của khách do C2 bàn giao lại. Để hoạt động, D cùng T tiếp tục thuê lại nhà của anh Trần Văn P3 để kinh doanh hoạt động cầm đồ cho vay tiền. Trong quá trình hoạt động, D và T có nhiều lần đến nhà của 24 khách vay tiền của C2 và T14 để lấy nợ nhưng những người này đều bỏ nhà đi khỏi địa phương. Quá trình từ khi bắt đầu hoạt động đến nay, D và T đã nhiều lần cho khách vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng đến 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương lãi suất từ 108% đến 144%/năm. Khi có khách vay tiền, D và T hướng dẫn khách điền thông tin vào mẫu hợp đồng cầm đồ, giấy vay tiền đã được in, chuẩn bị sẵn rồi ký nhận, điền chỉ và giữ lại giấy tờ tùy thân: Chứng minh nhân dân (CMND), căn cước công dân (CCCD), giấy phép lái xe (GPLX), đăng ký xe (ĐKX)... của khách vay để làm tin, nếu khách cầm cố tài sản (xe máy) thì D, T viết hợp đồng cầm đồ để khách ký nhận, điền chỉ.

Ngày 11/4/2023, Tổ công tác liên ngành do Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Nam Định chủ trì (được thành lập theo quyết định số 1378/QĐ – UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh) đã kiểm tra hoạt động của cửa hiệu cầm đồ có địa chỉ tại: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định do Nguyễn Văn D, sinh năm: 1982 và Phạm Văn T, sinh năm: 1981 cùng trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định làm chủ. Căn cứ các tài liệu điều tra đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Nam Định đã xác định được 54 trường hợp vay tiền với lãi xuất C2 của cửa hiệu cầm đồ, cụ thể như sau:

***Trường hợp thứ nhất:** Anh **Triệu Văn H1**, sinh năm: 2000, HKTT: xã T1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (BL218 -221):

Ngày 5/4/2023, H1 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp Nguyễn Văn D để cầm cố chiếc xe máy Honda Airblade, BKS 18B2 - 73461 vay 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3.000

đồng/01 triệu/01 ngày. Ngày 11/4/2023, anh H1 quay lại hiệu cầm đồ gặp Nguyễn Văn D và Phạm Văn T trả nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi của 06 ngày vay là 180.000 đồng rồi nhận lại xe máy.

Theo quy định của BLDS năm 2015, số tiền lãi Phạm Văn T và Nguyễn Văn D thu hợp pháp là 20% năm của khoản tiền vay (tức là tiền gốc) là $(10.000.000 \text{ đồng tiền gốc} : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 20\%) \times 6 \text{ ngày} = 33.333 \text{ đồng}$

Số tiền T và D thu lời bất chính là : $180.000đ - 33.333 đ = 146.666 \text{ đồng}$ (một trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

(Việc xác định số tiền thu lời bất chính được áp dụng theo cách tính như trên đối với các trường hợp vay khác).

***Trường hợp thứ 2.** Anh **Mai Văn P**, sinh năm: 2000, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL242 -244):

Ngày 8/11/2022, anh P đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại chiếc xe máy Wave, BKS: 18H1- 70048 để vay 11.000.000 đồng, lãi suất 2 bên thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 990.000 đồng, vay đến ngày 8/1/2023 thì trả nợ gốc và đã trả 02 tháng lãi với số tiền là 1.980.000 đồng, số tiền D và T thu lời bất chính là:

$1.980.000 - ((11.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.613.333 \text{ đồng}$ (một triệu sáu trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

***Trường hợp thứ 3.** Anh **Nguyễn Minh K**, sinh năm: 1997, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL258 -259):

Ngày 17/11/2022, anh K đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18H1-474.00 mang tên Trần Văn T2 (bạn anh K), vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng. Từ khi vay đến nay, anh K đã trả lãi trước số tiền 2.900.000 đồng tính đến ngày 14/4/2023, thời gian vay là 04 tháng 25 ngày (145 ngày) và chưa trả nợ gốc. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$2.900.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 145) = 2.497.222 \text{ đồng}$ (hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

***Trường hợp thứ 4:** Anh **Trần Văn T2**, sinh năm: 1997, trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL283 -285):

Ngày 16/11/2022, anh T2 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại CCCD của anh T2 và đăng ký xe máy BKS: 18H1-608.66, vay số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 720.000 đồng. Từ khi vay đến nay, anh T2 đã trả lãi vay trước của 05 tháng (150 ngày) tính đến 16/4/2023 với tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$3.600.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 150) = 3.100.000 \text{ đồng}$ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

***Trường hợp thứ 5:** Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1982, trú tại: T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL300 -302):

-Ngày 28/5/2022, chị N đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại đăng ký xe 18H1-657.31, vay số tiền 4.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đối với khoản vay này, chị N đã trả lãi 04 tháng vay đến 28/9/2022 với tổng số tiền 1.920.000 đồng thì vay thêm 2.000.000 đồng, nợ tổng cộng 6.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$1.920.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = \mathbf{1.653.333 \text{ đồng}}$ (một triệu sáu trăm năm ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

- Đối với khoản vay 6.000.000 đồng này, chị N đã trả lãi đến ngày 28/02/2023 với tổng số tiền là 3.600.000 đồng thì trả trước tiền nợ gốc 4.500.000 đồng, nợ lại 1.500.000 đồng, thống nhất không trả lãi nữa. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$3.600.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 150) = \mathbf{3.100.000 \text{ đồng}}$ (ba triệu một trăm nghìn đồng)

- Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **4.753.333 đồng** (bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

***Trường hợp thứ 6:** Anh **Nguyễn Văn H3**, sinh năm: 1971, trú tại: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL316 -318):

Ngày 21/3/2023, anh H3 cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại 02 đăng ký xe máy BKS: 18B1-601.29 và 18H1-710.30, vay số tiền 7.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay tiền đến nay, anh H3 chưa trả tiền lãi vay cho T. Tính đến ngày 11/4/2023, thì thời gian này là 20 ngày, tương đương với số tiền lãi là 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn đồng), tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$560.000 - ((7.000.000:12:30 \times 20\%) \times 20) = \mathbf{482.222 \text{ đồng}}$ (bốn trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

***Trường hợp thứ 7:** Anh **Lã Văn H4**, sinh năm: 1999, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 319 -321):

Ngày 29/3/2023, anh H4 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại CMND và đăng ký xe máy BKS: 18H1-515.09, vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay tiền đến nay, anh H4 chưa trả tiền lãi vay cho T. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 12 ngày, với số tiền lãi là 144.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$144.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 12) = \mathbf{124.000 \text{ đồng}}$ (một trăm hai mươi tư nghìn đồng).

***Trường hợp thứ 8:** Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1999, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL326 -328):

Ngày 08/4/2023, anh D đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18D1-531.58 vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh D chưa trả tiền lãi và tiền vay gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 03 ngày, với số tiền lãi là 36.000 đồng (ba mươi sáu nghìn đồng), tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$36.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 3) = \mathbf{31.000 \text{ đồng}}$ (ba mươi một nghìn đồng).

***Trường hợp thứ 9:** Anh **Lê Xuân H4**, sinh năm: 1995; Trú tại: TDP số 11, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 345 -350).

- Khoảng tháng 2/2022, anh H4 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại CCCD, bằng tốt nghiệp C2 đăng và chứng chỉ tiếng Anh mang tên anh H4, vay số tiền 7.000.000 đồng, 02 bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, theo yêu cầu của anh H4 thì T chuyển tiền vào tài khoản cửa hàng chuyển, nhận tiền mang tên Đỗ Thị H để anh H4 đến rút tiền. Sau khi vay tiền, anh H4 chưa có tiền để trả tiền lãi của 03 tháng nên ngày 19/5/2022, anh H4 đến cửa hàng vay thêm số tiền 10.000.000 đồng cũng với lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, trừ số tiền lãi của 03 tháng (90 ngày) vay là 2.520.000 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) vào số tiền vay thêm thì T đồng ý, xé bỏ giấy vay tiền cũ anh H4 viết và yêu cầu anh H4 viết giấy vay tiền mới có nội dung vay số tiền 17.000.000 đồng, để lại thêm xe máy BKS: 18H1-158.96 cùng đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Văn T3 – bố dượng của anh H4 và GPLX mang tên anh H4 để làm tin. Số tiền mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là:

$2.520.000 - ((7.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = \mathbf{2.170.000 \text{ đồng}}$ (hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng)

- Đối với khoản vay 17.000.000 đồng, anh H4 đã trả lãi vay của 05 tháng vay đến 19/10/2022 với tổng số tiền là 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng). Từ 19/10/2022 đến 19/02/2023 là 04 tháng vay với số tiền lãi là 8.160.000 đồng, anh T chậm trả lãi nên T cộng cả tiền lãi vay vào tiền gốc, nợ tổng cộng số tiền là 25.160.000 đồng. Ngày 22/02/2023, anh H4 và vợ đến cửa hàng, thống nhất với T về việc anh H4 trả 15.000.000 đồng tiền nợ gốc, lấy lại chiếc xe máy, đăng ký xe, GPLX và Bằng tốt nghiệp cao đẳng của anh H4. Số tiền còn lại, anh H4 viết tròn thành một khoản vay mới là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tính lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, phần còn lại thì T cho anh H4. Như vậy, số tiền lãi mà D và T đã thu của khoản vay nêu trên là 18.360.000 đồng cho 09 tháng mà anh H4 đã vay, số tiền lãi mà T và D thu lời bất chính trong trường hợp này là:

$18.360.000 - ((17.000.000:12:30 \times 20\%) \times 270) = \mathbf{15.810.000 \text{ đồng}}$ (mười năm triệu tám trăm mười nghìn đồng)

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, từ khi viết giấy vay ngày 22/02/2023 đến nay, anh H4 chưa trả khoản tiền lãi nào. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 01 tháng 19 ngày (49 ngày) với số tiền lãi là 1.960.000.000 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$1.960.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 49) = 1.687.777$ đồng (một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng)

- Như vậy, tổng số tiền lãi thu lời bất chính mà T và D phải chịu trách nhiệm hình sự là **19.667.777 đồng** (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó, tổng số tiền lãi thu lời bất chính mà thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là **17.980.000 đồng** (mười bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

***Trường hợp thứ 10:** Ông **Vũ Tiến D**, sinh năm: 1968, trú tại: TDP 4B, TT. C, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 351 -353):

Ngày 01/4/2023, ông D đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại đăng ký xe máy BKS: 18T1-3114 để vay số tiền 5.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, ông D chưa trả tiền lãi cho T, đến nay vẫn nợ số tiền vay là 5.000.000 đồng. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 10 ngày, với số tiền lãi là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$200.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 10) = 172.222$ đồng (một trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng).

*** Trường hợp thứ 11:** Anh **Nguyễn Văn P1**, sinh năm: 1978; trú tại: xóm 11, xã H Huyện H, tỉnh N (BL 361 -363).

Ngày 07/4/2023, anh P1 có đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T để lại đăng ký xe máy BKS: 18H1- 425.36 vay số tiền 6.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh P1 chưa trả tiền lãi cho T, vẫn nợ số tiền vay gốc là 6.000.000 đồng. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 04 ngày, với số tiền lãi là 72.000 đồng (bảy mươi hai nghìn đồng), tiền lãi để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$72.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 4) = 58.666$ đồng (năm mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

***Trường hợp thứ 12:** Anh **Trần Văn T3**, sinh năm: 1996; Trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 367 -369):

Ngày 13/3/2023, anh T3 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T để lại CCCD, giấy phép lái xe và đăng ký xe máy BKS: 18H1-781-27 vay số tiền 5.000.000 đồng. hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Sau đó, T cắt lãi trước 01 tháng là 1.200.000 đồng nên chỉ đưa cho anh T3 số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Gần hết thời hạn vay theo thỏa thuận, anh T3 đã trả lại 10.000.000 đồng tiền vay gốc cho T khi hẹn gặp nhau ở ngoài đường, do có việc bận nên anh T3 chưa đến cửa hàng để lấy lại các giấy tờ đã để lại. Số tiền mà T và D đã thu lời bất chính là:

$1.200.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = \mathbf{1.033.333 \text{ đồng}}$ (một triệu không trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

***Trường hợp thứ 13.** Anh **Phạm Văn D1**, sinh năm: 2000; Trú tại: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (BL 373 -376).

- Ngày 16/3/2023, anh D1 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D, để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, màu trắng, BKS: 18B2-961.05 để vay số tiền 55.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 04/4/2023, anh D1 mang tiền nợ gốc đến trả thì T tính số tiền lãi của 19 ngày vay là 3.130.000 đồng (ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng), anh D1 đã trả cả tiền lãi và gốc. Sau đó, anh D1 đã lấy lại giấy vay tiền, xé bỏ và lấy các giấy tờ thể chấp ra về. Số tiền lãi thu lời bất chính là:

$3.130.000 - ((55.000.000:12:30 \times 20\%) \times 19) = \mathbf{2.549.444 \text{ đồng}}$ (hai triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)

- Ngày 11/4/2023, anh D1 đến cửa hàng gặp T để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, BKS: 18L1-522.29 và đăng ký xe, CCCD để vay số tiền 25.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến nay, anh D1 chưa trả lãi và vẫn nợ tiền vay gốc. Cơ quan CSĐT đề nghị giao nộp lại số tiền đã vay thì anh D1 đã tự nguyện giao nộp số tiền 25.000.000 đồng.

***Trường hợp thứ 14:** Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1997, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 377 -379):

Ngày 03/8/2022, anh T3 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, BKS: 18H1-685.43 và đăng ký xe để vay số tiền 35.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi xuất 3000đ/1 triệu/01 ngày. Anh T3 vay, trả đủ lãi 02 tháng đến 03/10/2022 với số tiền 6.300.000 đồng thì vay thêm 10.000.000 đồng. Số tiền lãi mà T và D đã thu lời bất chính là:

$6.300.000 - ((35.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = \mathbf{5.133.333 \text{ đồng}}$ (năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

***Trường hợp thứ 15.** Anh **Phạm Thanh H1**, sinh năm: 1990, trú tại: khu 10, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định (BL380 -382):

Ngày 23/11/2022, anh H1 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 18H1-760.28 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 2 bên thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Anh H1 vay trong 01 tháng thì trả hết nợ gốc và tiền lãi là 1.350.000 đồng

(một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), sau đó lấy lại xe máy và hủy hợp đồng cầm đồ. Số tiền lãi mà T và D đã thu lời bất chính là:

$1.350.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = \mathbf{1.100.000}$ đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

*** Trường hợp thứ 16.** Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm: 1973, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 222-223):

Ngày 01/9/2021 anh L1 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T đặt vấn đề để lại GCN đăng ký xe mô tô và CCCD vay số tiền 5.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay 4.000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Từ khi vay đến ngày 01/4/2023 anh L1 đã trả lãi của 19 tháng vay với tổng số tiền là 11.400.000 đồng, đến nay chưa trả gốc.

Tính đến thời điểm phát hiện, ngăn chặn hành vi của D và T vào ngày 11/4/2023, thì thời gian vay là 19 tháng 10 ngày (580 ngày), tương đương với số tiền lãi là 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Như vậy, số tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$11.600.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 580) = \mathbf{9.988.888}$ đồng (chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Số tiền thu lời bất chính, thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$11.400.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 570) = \mathbf{9.816.666}$ đồng (chín triệu tám trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

***Trường hợp thứ 17:** Anh **Trần Văn H5**, sinh năm: 1983, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL224 -226):

Ngày 10/9/2022 anh H5 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại CCCD vay số tiền 5.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay 4.000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng. Từ khi vay đến ngày 10/3/2023 anh H5 trả lãi được 06 tháng với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, chưa trả nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 07 tháng 01 ngày (211 ngày) với số tiền lãi là 4.220.000 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$4.220.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 211) = \mathbf{3.633.888}$ đồng (ba triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$3.600.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 180) = \mathbf{3.100.000}$ đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 18:** Anh **Nguyễn Văn T4**, sinh năm: 1986, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL227 -229):

- Ngày 05/12/2021, anh T4 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày. Từ khi vay đến 05/6/2022, anh T4 đã trả

lãi 06 tháng với tổng số tiền 3.600.000 đồng và trả lại tiền vay gốc. Số tiền D và T thu lời bất chính là:

$3.600.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 180) = \mathbf{3.100.000 \text{ đồng}}$ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

- Ngày 2/7/2022, anh T4 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh T4 đã trả được 04 tháng lãi với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 09 tháng 09 ngày (279 ngày) với số tiền lãi là 5.580.000 đồng (năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$5.580.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 279) = \mathbf{4.805.000 \text{ đồng}}$ (bốn triệu tám trăm linh năm nghìn đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$2.400.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = \mathbf{2.066.666 \text{ đồng}}$ (hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **7.905.000 đồng** (bảy triệu chín trăm linh năm nghìn đồng). Trong đó, tổng số tiền lãi thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là **5.166.666 đồng** (năm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

***Trường hợp thứ 19.** Anh **Nguyễn Việt H4**, sinh năm: 1972, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL230 -232):

Ngày 15/12/2022 anh H4 đến hiệu cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T vay số tiền 15.000.000 đồng, để lại CCCD, hai bên thỏa thuận lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng trả lãi 1.800.000 đồng. Từ khi vay đến ngày 10/3/2023, anh H4 đã trả lãi 03 tháng vay với tổng số tiền 5.400.000 đồng, hiện chưa trả gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 03 tháng 26 ngày (116 ngày) với số tiền lãi là 6.960.000 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$6.960.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 116) = \mathbf{5.993.333 \text{ đồng}}$ (năm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$5.400.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = \mathbf{4.650.000 \text{ đồng}}$ (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

***Trường hợp thứ 20.** Anh **Bùi Văn V**, sinh năm: 1985, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL233- 235):

Ngày 22/10/2022 anh V đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, vay số tiền 5.000.000 đồng, để lại CCCD của anh V cùng sổ hộ khẩu và đăng ký xe máy BKS: 18H1-467.10 mang tên Ngô Thị Hoa

– mẹ của anh V làm tin, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng. Từ khi vay đến ngày 22/3/2023 anh V đã trả lãi được 05 tháng với tổng số tiền là 3.000.000 đồng, hiện chưa trả nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 05 tháng 19 ngày (169 ngày), với số tiền lãi là 3.380.000 đồng (ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$3.380.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 169) = 2.910.555$ đồng (hai triệu chín trăm mười nghìn, năm trăm năm mươi năm đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$3.000.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 150) = 2.583.333$ đồng (hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

***Trường hợp thứ 21.** Anh **Hoàng Văn M**, sinh năm: 2000, trú tại: khu 6, TT T, huyện H, tỉnh Nam Định (236 -238):

- Ngày 21/5/2022, anh M đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại giấy đăng ký xe máy và CCCD vay 5.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày. Đến ngày 21/6/2022, anh M trả 01 tháng tiền lãi là 600.000 đồng vay thêm 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vay giảm còn 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Như vậy, số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$600.000 - (5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30 = 516.666$ đồng (năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Đến ngày 21/7/2022, anh M trả lãi 01 tháng vay là 1.350.000 đồng rồi trả nợ tiền vay gốc và lấy lại chiếc xe máy và các giấy tờ. Như vậy, số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$1.350.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 1.100.000$ đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

- Ngày 14/9/2022, anh M vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến 14/11/2022, anh M đã trả lãi vay 02 tháng với số tiền là 1.200.000 đồng rồi vay thêm 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Như vậy, số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$1.200.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.033.333$ đồng (một triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Khoản vay 15.000.000 đồng này, anh M vay đến 14/12/2022 thì trả hết nợ gốc và tiền lãi của 01 tháng là 1.350.000 đồng. Như vậy, số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$1.350.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 1.100.000$ đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

- Ngày 29/1/2023, anh M vay 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này, anh M vay và đã trả lãi 02 tháng 12 ngày (72 ngày) đến 09/4/2023 với tổng số tiền 3.240.000 đồng thì trả lại 10.000.000

tiền vay gốc, còn nợ lại 5.000.000 đồng. Như vậy, số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$3.240.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 72) = \mathbf{2.640.000 \text{ đồng}}$ (hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Đối với số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng, tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 02 ngày, tương đương với số tiền lãi là 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$30.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 2) = \mathbf{24.444 \text{ đồng}}$ (hai mươi tư nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)

- Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **6.414.443 đồng** (sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng)

***Trường hợp thứ 22.** Anh **Trương Văn D2**, sinh năm: 1990, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 246 -247):

Ngày 02/3/2023, anh D2 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp anh T, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18H1-419.24, vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng. Từ khi vay đến nay, anh D2 đã trả lãi 01 tháng đến 02/4/2023 là 600.000 đồng, vẫn còn nợ lại tiền vay gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 01 tháng 09 ngày (39 ngày), tương đương với số tiền lãi là 780.000 đồng (bảy trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$780.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 39) = \mathbf{671.666 \text{ đồng}}$ (sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế T và D đã chiếm hưởng là:

$600.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = \mathbf{516.666 \text{ đồng}}$ (năm trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu).

***Trường hợp thứ 23.** Anh **Lê Văn H5**, sinh năm: 1990, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (248-250):

Ngày 27/8/2022 anh H5 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18H1-095.25 vay số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng. Từ khi vay đến nay anh H5 đã trả lãi được 04 tháng với số tiền 2.400.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 07 tháng 14 ngày (224 ngày), với số tiền lãi là 4.480.000 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), số tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$4.480.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 224) = \mathbf{3.982.222 \text{ đồng}}$ (Ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$2.400.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = \mathbf{2.133.333 \text{ đồng}}$ (hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

***Trường hợp thứ 24.** Chị **Vũ Thị T5**, sinh năm: 1990, trú tại: xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (251 -253):

- Ngày 11/7/2022, chị T5 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại sổ hộ khẩu đứng tên Bùi Văn T13 – chồng chị T5 vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Ngày 11/8/2022, chị T5 đến trả 01 tháng lãi là 1.200.000 đồng và vay thêm 11.000.000 đồng, gộp lại thành số tiền vay là 21.000.000 đồng, mỗi tháng trả lãi 2.520.000 đồng. Số tiền thu lời bất chính mà D và T chiếm hưởng là:

$1.200.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = \mathbf{1.033.333 \text{ đồng}}$ (một triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Đến ngày 24/2/2023 chị T5 pH3 trả lãi 6 tháng 13 ngày là 16.220.000 đồng, nH4 khi trả lãi chị T5 mới trả được 15.500.000 đồng (tương đương số tiền lãi của 185 ngày), nợ lại 720.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 08 tháng (240 ngày), với số tiền lãi là 20.160.000 đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$20.160.000 - ((21.000.000:12:30 \times 20\%) \times 240) = \mathbf{17.360.000 \text{ đồng}}$ (mười bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$15.500.000 - ((21.000.000:12:30 \times 20\%) \times 185) = \mathbf{13.341.666 \text{ đồng}}$ (mười ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Tổng số tiền lãi mà D và Việt thu lời bất chính trong trường hợp này là **18.393.333 đồng** (mười tám triệu ba trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính thực tế mà các đối tượng đã chiếm hưởng là **14.374.999 đồng** (mười bốn triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

***Trường hợp thứ 25.** Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1989, trú tại: TDP số 2, TT T, huyện H, tỉnh Nam Định (B1254 -256):

Ngày 09/5/2022 anh K đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại CMND vay số tiền 8.000.000 đồng, với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 960.000 đồng. Đến ngày 09/1/2023 anh K pH3 trả lãi 08 tháng với số tiền 7.680.000 đồng, nhưng khi trả lãi anh K mới trả được 7.600.000 đồng còn thiếu 80.000 đồng thì T đã cho anh K, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 11 tháng 2 ngày (332 ngày) với số tiền lãi là 10.624.000 đồng (mười triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng), Số tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$10.624.000 - ((8.000.000:12:30 \times 20\%) \times 332) = \mathbf{9.148.444 \text{ đồng}}$ (chín triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$7.680.000 - ((8.000.000:12:30 \times 20\%) \times 240) = 6.613.333$ đồng (sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

***Trường hợp thứ 26.** Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1978, trú tại: xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL260 -262):

Ngày 26/6/2021, chị N đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại giấy phép lái xe, đăng ký xe máy BKS: 18H1-307.06 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 1.200.000 đồng. Từ khi vay đến nay, chị N đã trả lãi được 02 tháng với số tiền là 2.400.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 21 tháng 15 ngày (645 ngày) với số tiền lãi là 25.800.000 đồng (hai mươi năm triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$25.800.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 645) = 22.216.666$ đồng (hai mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế T và D đã chiếm hưởng là:

$2.400.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 2.066.666$ đồng (hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

***Trường hợp thứ 27.** Anh **Phạm Văn K1**, sinh năm: 1993, trú tại: xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL263-265):

Ngày 10/3/2022 anh K1 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T để lại CCCD vay số tiền 7.000.000 đồng, với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 840.000 đồng. Từ khi vay đến nay, anh K1 đã trả lãi được 11 tháng (330 ngày) với số tiền là 9.240.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 13 tháng 01 ngày (391 ngày) với số tiền lãi là 10.948.000 đồng (mười triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$10.948.000 - ((7.000.000:12:30 \times 20\%) \times 391) = 9.427.444$ đồng (chín triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$9.240.000 - ((7.000.000:12:30 \times 20\%) \times 330) = 7.956.666$ đồng (bảy triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

***Trường hợp thứ 28.** Anh **Vũ Xuân T6**, sinh năm: 1982, trú tại: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL266 -268):

- Ngày 16/3/2022, anh T6 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp anh T và D vay số tiền 10.000.000 đồng, để lại CCCD của anh với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 900.000 đồng. Số tiền này anh T6 vay trong 01 tháng thì trả hết nợ gốc và tiền lãi là 900.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$900.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 733.333 \text{ đồng}$ (bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng)

- Ngày 16/5/2022, anh T6 vay 10.000.000 đồng cũng với lãi suất như nêu trên. Hết thời hạn vay 01 tháng, anh T6 trả lãi 01 tháng với số tiền 900.000 đồng và trả lại tiền nợ gốc. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$900.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 733.333 \text{ đồng}$ (bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng)

- Ngày 20/8/2022, anh T6 vay số tiền 10.000.000 đồng cũng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 20/9/2022, anh T6 trả lãi vay của 01 tháng là 900.000 đồng và vay thêm 5.000.000 đồng, nợ tổng cộng 15.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$900.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 733.333 \text{ đồng}$ (bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng)

- Đối với tổng số tiền 15.000.000 đồng, anh T6 đã trả lãi 06 tháng vay đến 20/02/2023 với tổng số tiền là 8.100.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 07 tháng 21 ngày (231 ngày), với số tiền lãi là 10.395.000 đồng (mười triệu ba trăm chín mươi năm nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$10.395.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 231) = 8.470.000 \text{ đồng}$ (tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$8.100.000 - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 180) = 6.600.000 \text{ đồng}$ (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)

Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **10.669.999 đồng** (mười triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là **8.799.999 đồng** (tám triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

***Trường hợp thứ 29.** Anh **Nguyễn Văn C1**, sinh năm: 1993, trú tại: xóm 3, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL269 -271):

Ngày 12/4/2022, anh C1 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T để lại CMND của anh C1 và đăng ký xe máy BKS: 90B2-586.80 vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng. Từ khi vay đến nay, anh C1 đã trả lãi tổng số tiền là 5.200.000 đồng tính đến ngày 01/01/2023 (260 ngày), hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 11 tháng 29 ngày (359 ngày), với số tiền lãi là 7.180.000 đồng (bảy triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền lãi để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$7.180.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 359) = 6.182.777 \text{ đồng}$ (sáu triệu một trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$5.200.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 260) = \mathbf{4.477.777 \text{ đồng}}$ (bốn triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng)

***Trường hợp thứ 30.** Anh **Vũ Văn B**, sinh năm: 1976, trú tại: xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 272 -274):

- Ngày 16/4/2022, anh B đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp anh T vay số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày, đã trả đủ lãi của 03 tháng thì trả hết nợ gốc, số tiền lãi anh B đã trả là 2.160.000 đồng. Số tiền thu lời bất chính mà D và T chiếm hưởng là:

$2.160.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = \mathbf{1.860.000 \text{ đồng}}$ (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng)

- Ngày 31/10/2022, anh B vay số tiền 10.000.000 đồng, để lại chứng minh thư của anh B và đăng ký xe máy BKS: 18H1-628.46 cũng với lãi suất như nêu trên. Khoản vay này anh B vay, đã trả lãi của 04 tháng đến thì dừng trả lãi, số tiền lãi anh B đã trả là 4.800.000 đồng, đến nay vẫn nợ tiền vay gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 05 tháng 11 ngày (161 ngày), tương đương với số tiền lãi là 6.440.000 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$6.440.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 161) = \mathbf{5.545.555 \text{ đồng}}$ (năm triệu năm trăm bốn mươi năm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$4.800.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = \mathbf{4.133.333 \text{ đồng}}$ (bốn triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **7.405.555 đồng** (bảy triệu bốn trăm linh năm nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng). Tổng số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là 4.133.333 đồng.

***Trường hợp thứ 31.** Anh **Phạm Minh P2**, sinh năm: 1992, trú tại: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL275 -279):

- Ngày 25/7/2022, anh P2 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D vay số tiền 3.000.000 đồng, để lại GPLX cùng 02 đăng ký xe máy BKS: 18H2-1233 và 18P9-4646 với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng trả lãi 360.000 đồng. Từ khi vay đến 25/9/2022, anh P2 đã trả lãi của 02 tháng vay với tổng số tiền là 720.000 đồng và vay thêm 1.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$720.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = \mathbf{620.000 \text{ đồng}}$ (sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

- Khoản vay 4.000.000 đồng này, anh P2 đã trả lãi 03 tháng vay đến 25/12/2022 với tổng số tiền 1.440.000 đồng rồi vay thêm 1.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$1.440.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = \mathbf{1.240.000 \text{ đồng}}$ (một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

- Đối với khoản vay 5.000.000 đồng này, anh P2 đã trả lãi 03 tháng vay đến 25/03/2023 với số tiền là 1.800.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 03 tháng 16 ngày (106 ngày) với số tiền lãi là 2.120.000 đồng (hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), Số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$2.120.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 106) = \mathbf{1.825.555 \text{ đồng}}$ (một triệu tám trăm hai mươi năm nghìn năm trăm năm mươi năm đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$1.800.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = \mathbf{1.550.000 \text{ đồng}}$ (một triệu năm trăm năm mươi nghìn)

- Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **3.651.111 đồng** (ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn, một trăm mười một đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là **3.410.000 đồng** (ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 32:** Anh **Phạm Văn H6**, sinh năm: 1979, trú tại: xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL280 -281):

- Ngày 16/7/2022, anh H6 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T vay số tiền 7.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Hết thời hạn vay 01 tháng, anh H6 trả lại tiền vay gốc và tiền lãi là 840.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$840.000 - ((7.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = \mathbf{723.333 \text{ đồng}}$ (bảy trăm hai ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

- Ngày 16/10/2022, anh H6 vay 8.000.000 đồng cũng với lãi suất như nêu trên. Hết thời hạn vay 01 tháng, anh H6 trả lại tiền vay gốc và tiền lãi là 960.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$960.000 - ((8.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = \mathbf{826.666 \text{ đồng}}$ (tám trăm hai sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

- Ngày 16/01/2023, anh H6 vay số tiền 8.000.000 đồng, để lại CMND của anh H6 và đăng ký xe máy BKS: 18H1-092.99 cũng với lãi suất như nêu trên. Khoản vay này, anh H6 đã trả lãi đến 16/03/2023 (02 tháng) với số tiền là 1.920.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 02 tháng 25 ngày (85 ngày), tương đương với số tiền lãi là 2.720.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), Số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$2.720.000 - ((8.000.000:12:30 \times 20\%) \times 85) = 2.342.222$ đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$1.920.000 - ((8.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.653.333$ đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **3.892.221** đồng (ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi một đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là **3.203.332** đồng (ba triệu hai trăm linh ba nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng).

***Trường hợp thứ 33:** Anh **Phạm Văn T3**, sinh năm: 1988, trú tại: xóm 7B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL286 -288):

- Ngày 19/5/2022, anh T3 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T để lại CCCD vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, đã trả lãi 04 tháng (120 ngày) đến 18/9/2022 với tổng số tiền là 1.440.000 đồng thì vay thêm số tiền 3.000.000 đồng, nợ tổng cộng 6.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$1.440.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = 1.240.000$ đồng (một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

- Đối với khoản vay 6.000.000 đồng, anh T3 trả đủ lãi của 5 tháng vay đến 19/3/2023 là 3.600.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 02/02/2023 anh T3 trả nợ gốc 3.000.000 đồng, nợ lại 3.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$3.600.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 150) = 3.100.000$ đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng)

Đối với số tiền còn nợ 3.000.000 đồng, T tính lãi từ ngày 02/02/2023. Anh T3 đã trả lãi 01 tháng vay đến 02/3/2023 là 360.000 đồng, hiện vẫn chưa trả tiền còn nợ là 3.000.000 đồng. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 02 tháng 09 ngày (69 ngày), với số tiền lãi là 828.000 đồng (tám trăm hai mươi tám nghìn đồng), tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$828.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 69) = 713.000$ đồng (bảy trăm mười ba nghìn đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$360.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 310.000$ đồng (ba trăm mười nghìn đồng)

- Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **5.053.000** đồng (năm triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng). Trong đó, số tiền thu lời bất chính mà D và T thực tế đã chiếm hưởng là **4.650.000** đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

***Trường hợp thứ 34:** Anh **Nguyễn Văn P2**, sinh năm: 1988, trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 289 -291):

- Ngày 27/6/2022, anh P2 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại CMND của anh P2 và đăng ký xe máy BKS: 18H1-508.10 vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, đến ngày 27/8/2022, P2 đã trả lãi 720.000 đồng thì vay thêm 2.000.000 đồng, nợ tổng cộng 5.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$720.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = \mathbf{620.000 \text{ đồng}}$ (sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

- Đối với khoản vay 5.000.000 đồng, anh P2 đã trả lãi vay được 04 tháng đến ngày 27/12/2022 với tổng số tiền là 2.400.000 đồng thì trả 2.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 3.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$2.400.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = \mathbf{2.066.666 \text{ đồng}}$ (hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

- Đối với khoản vay 3.000.000 đồng, ngày 04/01/2023 anh P2 đến trả lãi của 08 ngày vay là 96.000 đồng thì lại vay thêm 2.000.000 đồng, nợ tổng cộng 5.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$96.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 8) = \mathbf{82.666 \text{ đồng}}$ (tám mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng, anh P2 đã trả lãi 02 tháng đến 04/3/2023 với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 03 tháng 07 ngày (97 ngày), tương đương với số tiền lãi là 1.940.000 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$1.940.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 97) = \mathbf{1.670.555 \text{ đồng}}$ (một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn, năm trăm năm mươi đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$1.200.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = \mathbf{1.033.333 \text{ đồng}}$ (một triệu không trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

- Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **4.439.887 đồng** (bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng). Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là **3.802.665 đồng** (ba triệu tám trăm linh hai nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Trường hợp thứ 35: Chị Hoàng Thị T7, sinh năm: 1983, trú tại: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL297 -299):

Ngày 15/02/2023, chị T7 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T để lại CCCD của chị T7 và đăng ký xe máy BKS: 18D1-364.34, vay số tiền 8.600.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 774.000 đồng. Từ khi vay đến nay, chị T7 đã trả số tiền lãi là 720.000 đồng (lãi vay của 28 ngày), hiện vẫn còn nợ tiền vay gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 01 tháng 26 ngày (56 ngày), với số tiền lãi là 1.444.800 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, tám

trăm đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$1.444.800 - ((8.600.000:12:30 \times 20\%) \times 56) = \mathbf{1.177.244 \text{ đồng}}$ (một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$720.000 - ((8.600.000:12:30 \times 20\%) \times 28) = \mathbf{586.222 \text{ đồng}}$ (năm trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng)

***Trường hợp thứ 36:** Chị **Nguyễn Thị N1**, sinh năm: 1984, trú tại: T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 295 -297):

Ngày 20/10/2022, chị N1 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T để lại CCCD của chị N1 và đăng ký xe máy BKS: 18H1-501.56, vay số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, chị N1 đã trả lãi của 03 tháng vay đến 20/01/2023 với số tiền là 2.160.000 đồng, hiện vẫn chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 05 tháng 21 ngày (171 ngày) số tiền lãi là 4.104.000 đồng (bốn triệu một trăm linh tư nghìn đồng), số tiền lãi thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$4.104.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 171) = \mathbf{3.534.000 \text{ đồng}}$ (ba triệu năm trăm ba mươi tư nghìn đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$2.160.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = \mathbf{1.860.000 \text{ đồng}}$ (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 37:** Chị **Nguyễn Thị T8**, sinh năm: 1988, trú tại: T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 292 -294):

Ngày 22/10/2022, chị T8 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18H1-707.33 vay số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến ngày 22/3/2023, chị T8 đã trả lãi vay của 05 tháng với số tiền là 3.600.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 05 tháng 19 ngày (169 ngày) số tiền lãi là 4.056.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng), số tiền lãi để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$4.056.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 169) = \mathbf{3.492.666 \text{ đồng}}$ (ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$3.600.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 150) = \mathbf{3.100.000 \text{ đồng}}$ (ba triệu một trăm nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 38:** Anh **Đỗ Văn Đ**, sinh năm: 1987, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL303 – 305):

- Ngày 28/3/2022 , anh Đ cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D và T, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18H1-024.89 vay

số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày. Khoản vay này anh Đ đã trả lãi vay 02 tháng đến ngày 28/5/2022 là 480.000 đồng rồi vay thêm 2.000.000 đồng, để lại thêm đăng ký xe máy BKS: 18H1-231.05, nợ tổng cộng 4.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$480.000 - ((2.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = \mathbf{413.333 \text{ đồng}}$ (bốn trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

- Đối với khoản vay 4.000.000 đồng trên, anh Đ trả lãi đến ngày 28/7/2022 với số tiền là 960.000 đồng thì vay thêm 3.000.000 đồng, nợ tổng cộng 7.000.000 đồng. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$960.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = \mathbf{826.666 \text{ đồng}}$ (tám trăm hai sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

- Đối với khoản vay 7.000.000 đồng nêu trên, anh Đ đã trả lãi 06 tháng đến ngày 28/2/2023 với số tiền là 5.880.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 08 tháng 13 ngày (253 ngày), với số tiền lãi là 7.084.000 đồng (bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$7.084.000 - ((7.000.000:12:30 \times 20\%) \times 253) = \mathbf{6.100.111 \text{ đồng}}$ (sáu triệu một trăm nghìn, một trăm mười một đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$5.880.000 - ((7.000.000:12:30 \times 20\%) \times 180) = \mathbf{5.180.000 \text{ đồng}}$ (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)

- Tổng số tiền lãi mà D và T thu lời bất chính trong trường hợp này là **7.340.110 đồng** (bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn, một trăm mười đồng). Trong đó, tổng số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là **6.419.999 đồng** (sáu triệu bốn trăm mười chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

***Trường hợp thứ 39:** Anh **Lê Văn Khoản**, sinh năm: 1975, trú tại: xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 306 -307):

Ngày 18/11/2022, anh Khoản đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại đăng ký xe máy BKS: 18H1-448.54 vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, đã trả đủ lãi 04 tháng đến ngày 18/3/2023 với số tiền là 2.400.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 04 tháng 23 ngày (143 ngày) với số tiền lãi là 2.860.000 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$2.860.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 143) = \mathbf{2.462.777 \text{ đồng}}$ (hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$2.400.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = \mathbf{2.066.666 \text{ đồng}}$ (hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

***Trường hợp thứ 40:** Chị **Đoàn Thị T9**, sinh năm: 1996, trú tại: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 308 -309):

Ngày 30/4/2021, chị T9 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D, để lại đăng ký xe máy BKS: 18H1-314.61, vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến ngày 30/3/2023, chị T9 đã trả đủ tiền lãi của 23 tháng với tổng số tiền là 8.280.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 23 tháng 11 ngày (701 ngày), với số tiền lãi là 8.412.000 đồng (tám triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$8.412.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 701) = 7.243.666$ đồng (bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$8.280.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 690) = 7.130.000$ đồng (bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 41:** Bà **Đinh Thị D3**, sinh năm: 1969, trú tại: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 310 -312):

Ngày 03/5/2021, bà D3 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D, để lại CCCD mang tên Đinh Quỳnh Anh (còn gái bà D3) và 02 đăng ký xe máy BKS: 18B1-943.12 và 18P2-5187, vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến ngày 03/4/2023, bà D3 đã trả đủ tiền lãi của 23 tháng với tổng số tiền là 8.280.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 23 tháng 08 ngày (698 ngày) với số tiền lãi là 8.376.000 đồng (tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$8.376.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 698) = 7.212.666$ đồng (bảy triệu hai trăm mười hai nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$8.280.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 690) = 7.130.000$ đồng (bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 42:** Anh **Nguyễn Văn T10**, sinh năm: 1986; trú tại: xóm X, xã H, huyện H (BL 313 -315):

Ngày 02/12/2022, anh T10 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp anh D, để lại CMND và đăng ký xe máy BKS: 18H1-690.07, vay số tiền 8.000.000 đồng với lãi suất 02 bên thỏa thuận 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh T10 đã trả số tiền lãi của 04 tháng vay đến 02/4/2023 với tổng số tiền là 3.840.000 đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), hiện chưa trả nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 04 tháng 09 ngày (129 ngày), với số tiền lãi là 4.128.000 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự

của D và T là:

$4.128.000 - ((8.000.000:12:30 \times 20\%) \times 129) = 3.554.666$ đồng (ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$3.840.000 - ((8.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = 3.306.666$ đồng (ba triệu ba trăm linh sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

***Trường hợp thứ 43:** Anh **Trần Văn T2**, sinh năm: 1999, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 322 -325):

- Ngày 31/8/2022, anh T2 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D, để lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR của anh T2 để làm tin, vay số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này, anh T2 đã trả lãi 01 tháng đến 31/9/2022 là 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Đến tháng 10/2022, do không có tiền để trả lãi vay và tiền nợ gốc nên anh T2 đã gán lại chiếc ĐTDD nhãn hiệu Iphone XR cho D với giá 4.480.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng là tiền vay gốc và 480.000 đồng là tiền lãi tính đến 31/10/2022. Tổng cộng, anh T2 đã trả số tiền lãi của 02 tháng vay là 960.000 đồng, đến nay không còn nợ tiền vay gốc. Số tiền mà D và T thu lời bất chính là:

$960.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 826.666$ đồng (tám trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Ngày 28/9/2022, anh T2 tiếp tục đến cửa hàng cầm đồ gặp D và T để lại CMND, sổ hộ khẩu đứng tên Trần Thanh H3 (bố của anh T2) cùng GCN quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ của anh T2 là Trần Thanh H3 và Phạm Thị N3 để vay số tiền 3.000.000 đồng cũng với lãi suất như trên. Khoản vay này, anh T2 đã trả đủ tiền lãi vay của 06 tháng đến 28/3/2023 với tổng số tiền là 2.160.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), đến nay chưa trả tiền vay gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 06 tháng 13 ngày (193 ngày), với số tiền lãi là 2.316.000 đồng (hai triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$2.316.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 193) = 1.994.333$ đồng (một triệu chín trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$2.160.000 - ((3.000.000:12:30 \times 20\%) \times 180) = 1.860.000$ đồng (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng cộng, số tiền thu lời bất chính mà D và T phải chịu trách nhiệm hình sự là **2.820.999 đồng** (hai triệu tám trăm hai mươi nghìn, chín trăm chín mươi chín nghìn đồng). Trong đó, tổng số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là **2.686.666 đồng** (hai triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

***Trường Hợp thứ 44:** Anh **Bùi Tiến D**, sinh năm: 1994, trú tại: xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 329 -330).

Ngày 03/6/2022, anh D đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D, để lại Bằng đại học của anh D, vay số tiền 9.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay tiền đến nay, anh D đã trả tiền lãi của 10 tháng tính đến 03/4/2023 với tổng số tiền là 10.480.000 đồng, đến nay chưa trả nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 10 tháng 8 ngày (308 ngày) với số tiền lãi là 11.088.000 đồng (mười một triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng), Số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$11.088.000 - ((9.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 308) = 9.548.000$ đồng (chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$10.480.000 - ((9.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 300) = 8.980.000$ đồng (tám triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 45:** Anh **Nguyễn Văn N2**, sinh năm: 1997, trú tại: xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 331 -333).

Ngày 09/12/2022, anh N2 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 72C1-736.88 của anh N2, vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh N2 đã trả lãi vay của 03 tháng đến 09/3/2023 với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 03 tháng 02 ngày (92 ngày) với số tiền lãi là 1.840.000 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$1.840.000 - ((5.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 92) = 1.584.444$ đồng (một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$1.800.000 - ((5.000.000 : 12 : 30 \times 20\%) \times 90) = 1.550.000$ đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 46:** Chị **Trần Thị Y**, sinh năm: 1972; Trú tại: TDP số 8, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 334 -336):

Ngày 04/3/2023, chị Y đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp D, để lại CCCD, sổ bảo hiểm đứng tên chị Y; sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ là anh Trần Văn Tương – chồng chị Y và đăng ký xe 18B2-04023 vay số tiền 11.000.000 đồng thì D thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày, D cắt lãi trước 01 tháng là 1.320.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) nên chỉ đưa cho chị Y số tiền 9.680.000 đồng. Từ khi vay đến nay, chị Y chưa trả thêm tiền lãi lần nào, vẫn nợ số tiền vay gốc là 11.000.000 đồng. Tính đến ngày 11/4/2023, thời gian vay là 01 tháng 07 ngày (37 ngày) với số tiền lãi là 1.628.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$1.628.000 - ((11.000.000:12:30 \times 20\%) \times 37) = 1.401.888$ đồng (một triệu bốn trăm linh một nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế các đối tượng đã chiếm hưởng là:

$1.320.000 - ((11.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 1.136.666$ đồng (một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

***Trường hợp thứ 47:** Anh **Trần Văn H6**, sinh năm: 1997; Trú tại: xóm 11, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 337 -338):

Ngày 21/02/2023, anh H6 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T để lại CCCD của anh H6 và đăng ký xe máy BKS: 18H1-092.99, vay số tiền 5.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh H6 mới trả lãi của 01 tháng vay là 600.000 đồng, hiện vẫn nợ số tiền vay gốc là 5.000.000 đồng. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 01 tháng 20 ngày (40 ngày), với số tiền lãi là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$800.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 40) = 688.888$ đồng (sáu trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$600.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 30) = 516.666$ đồng (năm trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

***Trường hợp thứ 48:** Anh **Phạm Văn T11**, sinh năm: 1985, trú tại: xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 339 -341):

Ngày 24/9/2021, anh T11 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại GPLX và đăng ký xe máy BKS: 18H1-521.11 của anh T11 để vay số tiền 2.000.000 đồng, T thỏa thuận lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh T11 đã trả lãi vay của 17 tháng (510 ngày) đến 24/3/2023 với số tiền là 3.060.000 đồng, đến nay vẫn còn nợ số tiền vay gốc là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 18 tháng 17 ngày (557 ngày), với số tiền lãi là 3.342.000 đồng (ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$3.342.000 - ((2.000.000:12:30 \times 20\%) \times 557) = 2.723.111$ đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn một trăm mười một đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$3.060.000 - ((2.000.000:12:30 \times 20\%) \times 510) = 2.493.333$ đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

***Trường hợp thứ 49:** Chị **Trần Thị M2**, sinh năm: 1980, trú tại: TDP số 16, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 342 -344):

Ngày 04/02/2023, chị M2 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18H1-527.85

(mang tên Trần Văn K – chồng chị M2), vay số tiền 5.000.000 đồng , hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. T cắt lãi trước 01 tháng là 600.000 đồng nên chỉ đưa cho chị M2 số tiền 4.400.000 đồng. Tổng cộng, từ khi vay đến nay thì chị M2 đã trả lãi vay của 02 tháng đến 04/4/2023 với số tiền là 1.200.000 đồng, hiện chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến 11/4/2023, thời gian là 02 tháng 07 ngày (67 ngày) với số tiền lãi là 1.340.000.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$1.340.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 67) = \mathbf{1.153.888 \text{ đồng}}$ (một triệu một trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$1.200.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = \mathbf{1.033.333 \text{ đồng}}$ (một triệu không trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

***Trường hợp thứ 50:** Anh **Vũ Văn T12**, sinh năm: 1993; Trú tại: xóm 9, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 354 -356).

Ngày 04/10/2022, anh T12 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại đăng ký xe máy BKS: 18H1-199.93 vay số tiền 5.000.000 đồng thì 2 bên thỏa thuận lãi suất vay là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, anh T12 đã trả lãi vay của 04 tháng đến 04/02/2023 với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, đến nay vẫn còn nợ lại tiền vay gốc là 5.000.000 đồng. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 06 tháng 07 ngày (187 ngày) với số tiền lãi là 2.805.000 đồng (hai triệu tám trăm linh năm nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$2.805.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 187) = \mathbf{2.285.555 \text{ đồng}}$ (hai triệu hai trăm tám mươi năm nghìn, năm trăm năm mươi năm đồng).

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$1.800.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 120) = \mathbf{1.466.666 \text{ đồng}}$ (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Trường hợp thứ 51: Anh **Nguyễn Văn H7**, sinh năm: 1988; Trú tại: xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 357 -360):

Ngày 04/02/2023, anh H7 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại CCCD của anh H7 cùng đăng ký xe máy BKS: 18H1-288.12 mang tên vợ anh H7 là Nguyễn Thị Xim, vay số tiền 6.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 700.000 đồng/01 tháng, lãi suất vay là 3.888 đồng/01 triệu/01 ngày. Theo thỏa thuận, anh H7 đã trả đủ lãi vay của 02 tháng là 1.400.000 đồng, do có nhu cầu vay tiếp nên anh H7 liền viết giấy vay mới đề ngày 04/04/2023. Từ ngày 04/4/2023 đến nay, anh H7 chưa trả thêm khoản tiền lãi nào, hiện vẫn nợ số tiền vay gốc là 6.000.000 đồng. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 02 tháng 07 ngày (67 ngày), với số tiền lãi là 1.563.333 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), Số tiền thu lời bất chính xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$1.563.333 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 67) = 1.339.999$ đồng (một triệu ba trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$1.400.000 - ((6.000.000:12:30 \times 20\%) \times 60) = 1.200.000$ đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng)

***Trường hợp thứ 52.** Chị **Lã Thị N3**, sinh năm: 1977, trú tại: xóm 11, xã H3 Lộc, Huyện H, tỉnh N (BL 364 -366).

Ngày 08/11/2021, chị N3 có đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T, để lại CCCD của chị N3 và đăng ký xe máy BKS: 18H1-580.61 mang tên con gái của chị N3 là Trần Thị Thắm, vay số tiền 5.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, chị N3 đã trả đủ lãi của 16 tháng vay đến 08/3/2023 với tổng số tiền là 9.600.000 đồng, vẫn nợ số tiền vay gốc là 5.000.000 đồng. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 17 tháng 03 ngày (513 ngày) với số tiền lãi là 10.260.000 đồng (mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$10.260.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 513) = 8.835.000$ đồng (tám triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$9.600.000 - ((5.000.000:12:30 \times 20\%) \times 510) = 8.183.333$ đồng (tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

*** Trường hợp thứ 53:** Chị **Đoàn Thị H8**, sinh năm: 1999; Trú tại: xóm H, xã H2, Huyện H, tỉnh N (BL 270 -271):

Ngày 19/11/2022, chị H8 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T để lại CCCD của chị H8 và đăng ký xe máy BKS: 35B2-454.42 vay số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. T cắt lãi trước 01 tháng là 1.200.000 đồng nên chỉ đưa cho chị H8 8.800.000 đồng. Từ khi vay đến nay, chị H8 đã trả lãi vay của 03 tháng đến 19/02/2023 với tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Đến nay, chị H8 chưa trả thêm lãi, vẫn nợ số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 04 tháng 22 ngày (142 ngày), với số tiền lãi là 5.680.000 đồng (năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$5.680.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 142) = 4.891.111$ đồng (bốn triệu tám trăm chín mươi một nghìn, một trăm mười một đồng)

Số tiền thu lời bất chính thực tế D và T đã chiếm hưởng là:

$3.600.000 - ((10.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = 3.100.000$ đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng)

*** Trường hợp thứ 54.** Anh **Trần Văn T13**, sinh năm: 1975; Trú tại: xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (BL 383 -385):

Ngày 15/8/2022, anh T13 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp T và D, để lại CCCD và đăng ký xe máy BKS: 18H1-158.87, để vay số tiền 4.000.000 đồng, làm tin, lãi suất 2 bên thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Từ khi vay đến nay, anh T13 đã trả đủ tiền lãi của 07 tháng đến 15/3/2023 với tổng số tiền là 3.360.000 đồng, hiện chưa trả nợ gốc. Tính đến 11/4/2023, thời gian vay là 07 tháng 26 ngày (236 ngày), tương đương với số tiền lãi là 3.776.000 đồng, số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của D và T là:

$3.776.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 236) = \mathbf{3.251.555 \text{ đồng}}$ (ba triệu hai trăm năm mươi một nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng)

Số tiền thu lời bất chính bất hợp pháp thực tế mà D và T đã chiếm hưởng là:

$3.360.000 - ((4.000.000:12:30 \times 20\%) \times 210) = \mathbf{2.893.333 \text{ đồng}}$ (hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D và Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi cho 54 người nêu trên vay lãi nặng để thu lợi bất chính.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã trưng cầu giám định số khung, số máy đối với 4 chiếc xe máy và 01 xe ô tô đã tạm giữ trong quá trình khám xét. Tại B kết luận giám định số 929/KL – KTHS ngày 15/06/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: số khung, số máy của 5 chiếc xe trên là số nguyên thủy của nơi sản xuất. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh 5 chiếc xe máy trên không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D và Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi cho 54 người nêu trên vay lãi nặng để thu lợi bất chính.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã trưng cầu giám định số khung, số máy đối với 4 chiếc xe máy và 01 xe ô tô đã tạm giữ trong quá trình khám xét. Tại B kết luận giám định số 929/KL – KTHS ngày 15/06/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: số khung, số máy của 5 chiếc xe trên là số nguyên thủy của nơi sản xuất. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh 5 chiếc xe máy trên không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Bản cáo trạng số 80/CT-VKS-P3 ngày 03-8-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Phạm Văn D và Phạm Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở lại với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất

mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng tù giam - 09 tháng tù giam, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 tháng tù giam - 09 tháng tù giam, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo T và bị cáo D phải có trách nhiệm trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền gốc dùng để cho vay là 596.600.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, đề nghị truy thu của các bị cáo T và D để sung ngân sách Nhà nước. Về tiền án phí các bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2021 đến tháng 4/2023, tại cửa hiệu cầm đồ của Phạm Văn T và Nguyễn Văn D, địa chỉ: xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, Phạm Văn T và Nguyễn Văn D đã có hành vi cho 54 người vay tổng số tiền là 596.600.000 đồng, với mức lãi suất từ 108%/năm đến 144%/năm (gấp 5,4 lần đến 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%) thu về tổng số tiền lãi là 261.718.883 đồng, trong đó khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm là 44.179.972 đồng và thu lợi bất chính số tiền lãi là 217.538.911 đồng. Hành vi của bị cáo T và bị cáo D đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS). Cho nên, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị

cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội, bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và cải tạo.

[3] Về vai trò của các bị cáo:

Đối với hành vi phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Phạm Văn T đều bàn bạc và thống nhất cùng với nhau cùng nhau trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động cho vay lãi nặng, vì vậy bị cáo T và bị cáo D có vai trò ngang nhau trong vụ án

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

** Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đồng thời quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: HĐXX xét thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 201 BLHS để xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Phạm Văn T. Xét thấy bị cáo D và bị cáo T có vai trò ngang nhau, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt mà các bị cáo truy tố là đủ để răn đe giáo dục đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật thì bị cáo Dũng và bị cáo T sẽ bị tịch thu, truy thu toàn bộ số tiền dùng để cho vay là 596.600.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 44.179.972 đồng; ngoài ra các bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ dân sự trả lại số tiền đã chiếm hưởng bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 217.538.991 đồng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, xin được miễn hình phạt bổ sung. Vì vậy cần xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn D.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn D đã chiếm hưởng bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 217.538.911 đồng. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền nói trên. Tuy nhiên, 54 người vay trên của các bị cáo với lãi suất cao tại cơ quan điều tra chưa có yêu cầu đòi lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật, tại phiên tòa chỉ có 02 người là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt đề nghị HĐXX là không buộc các bị cáo

phải trả lại số tiền đã chiếm hưởng nên HĐXX không xem xét. Còn lại 52 người vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX giành cho họ quyền khởi kiện dân sự khi họ có yêu cầu.

[8] Đối với khoản tiền các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn D dùng để cho vay là 596.600.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 44.179.972 đồng. Tổng cộng là 640.779.972 đồng được xác định là phương tiện phạm tội. Vì vậy cần tuyên truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với toàn bộ số tiền của các bị cáo như đã nói trên. Được đối trừ vào số tiền 44.900.000 đồng, trong đó: thu giữ của Nguyễn Văn D 13.900.000 đồng; anh Nguyễn Văn H7 giao nộp 6.000.000 đồng và anh Phạm Văn D1 giao nộp 25.000.000 đồng hiện đang giữ tại Cục thi hành án Nam Định, các bị cáo còn phải nộp **595.879.972đ** (Năm trăm chín mươi năm triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng). Đối trừ với khoản tiền gốc của 48 người vay chưa trả cho T và D là 329.500.000 đồng, cần buộc những người này có trách nhiệm trả lại để nộp ngân sách nhà nước tuyên truy thu từ người vay để sung quỹ nhà nước. Còn lại 02 bị cáo còn phải nộp 266.379.972 (Hai trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

[9] Về vật chứng:

* Đối với vật chứng chuyển hồ sơ vụ án: Do các tài liệu này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX trả lại cho các bị cáo các tài liệu sau nếu có các bị cáo có yêu cầu:

- 01 (một) GCN đăng ký kinh doanh số 07J8 004789 mang tên Nguyễn Đức T14, địa điểm: xóm Tây, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

- 01 (một) biên B kiểm tra xác nhận điều kiện về phòng cháy và chữa cháy, phòng nổ do Công an huyện H, tỉnh N lập ngày 14/9/2018;

- 01 (một) GCN đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 41/2018 do Công an huyện H, tỉnh N cấp ngày 17/9/2018;

- 01 (một) sổ quản lý kinh D3 dịch vụ cầm đồ, có chữ ký xác nhận của Phạm Văn T và Nguyễn Văn D;

- 01 (một) sổ theo dõi, có chữ ký xác nhận của Phạm Văn T và Nguyễn Văn D.

* Đối với vật chứng vật chứng khác:

- Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu VSMART màu tím than của Phạm Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu VSMART màu tím than của Nguyễn Văn D

Trả lại các vật chứng sau cho những người có tên trong các giấy tờ sau:

- 24 (hai mươi tư) căn cước công D1;

- 09 (chín) chứng minh nhân D1;

- 03 (ba) giấy phép lái xe;

- 41 (bốn mươi một) đăng ký xe;

- 05 (năm) sổ hộ khẩu;
- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Thanh H3 và bà Phạm Thị N3;
- 01 (một) quyết định về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;
- 01 (một) Bằng tốt nghiệp đại học đứng tên Bùi Tiên D;
- 01 (một) chứng chỉ tiếng Anh bậc 3 đứng tên Lê Xuân H4;
- 01 (một) sổ bảo hiểm đứng tên Trần Thị Y.

[10] Các tình tiết có liên quan:

** Ngoài ra Phạm Văn T và Nguyễn Văn D còn cho 05 người vay tiền, tính lãi suất theo ngày, tháng. Tuy nhiên, mức lãi suất chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hành vi đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:*

1. Chị **Trần Thị L**, sinh năm: 1979; Trú tại: xóm Xuân Hà, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định:

Ngày 17/7/2022, chị L đến cửa hàng cầm đồ gặp T vay số tiền 6.000.000 đồng, do có quan hệ họ hàng nên T tính lãi suất vay là 60.000 đồng/01 tháng (10%/năm), chị L viết giấy vay tiền, để lại đăng ký xe máy BKS: 18H1-503.38 làm tin. Chị L vay trong 06 tháng, đã trả lãi 360.000 đồng thì trả hết nợ gốc và lấy lại đăng ký xe máy nêu trên.

2. Anh **Vũ Xuân K**, sinh năm: 1994, trú tại: xóm Trần Phú, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 30/01/2023, anh K đến cửa hàng gặp D đặt vấn đề vay 5.000.000 đồng, để lại CCCD của anh K và đăng ký xe máy BKS: 29B1-007.32 làm tin, thỏa thuận lãi suất vay là 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày (72%/năm). Từ khi vay đến nay, anh K đã trả lãi vay của 02 tháng với tổng số tiền là 600.000 đồng, chưa trả nợ gốc.

3. Anh **Kim Văn H1**, sinh năm: 1982 trú tại: TDP số 1, TT. T, huyện H, tỉnh Nam Định

Ngày 19/12/2022, anh H1 đến cửa hàng cầm đồ gặp D đặt vấn đề thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, màu đen, BKS: 18A-160.35 cùng các giấy tờ xe (đăng ký xe, bảo hiểm, kiểm định) và chứng minh nhân dân đều mang tên anh H1 vay 150.000.000 đồng thì D thỏa thuận lãi suất vay là 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày (72%/năm). Từ khi vay đến nay, anh H1 đã trả lãi vay của 03 tháng với tổng số tiền 27.000.000 đồng, đến nay chưa trả nợ gốc.

4. Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1997, trú tại: xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 3/8/2022, anh T3 đến cửa hàng cầm đồ gặp T, để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH, BKS: 18H1- 685.43 và đăng ký xe để vay số tiền 35.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi xuất 3000đ/1 triệu/01 ngày. Anh T3 vay, trả đủ lãi 02 tháng đến 03/10/2022 với số tiền 6.300.000 đồng thì vay thêm

10.000.000 đồng. Đối với khoản vay 45.000.000 đồng, T hạ mức lãi suất còn 2.500 đồng/01 triệu/01 ngày (90%/năm), anh T3 tiếp tục trả lãi 03 tháng với tổng số tiền là 10.125.000 đồng thì trả hết nợ gốc.

5. Anh **Trần Văn T15**, sinh năm: 1991, trú tại: TDP số 2, TT T, huyện H, tỉnh Nam Định:

Ngày 17/2/2022, anh T15 đến cửa hàng cầm đồ tại xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định gặp anh Phạm Văn T vay số tiền 12.000.000 đồng, để lại sổ hộ khẩu đứng tên anh T15, lãi suất 2 bên thỏa thuận là 3.500 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả lãi 1.260.000 đồng. Anh T15 vay đến ngày 17/4/2022 thì trả nợ gốc và đã trả lãi được 02 tháng với số tiền là 2.500.000 đồng.

Đối với hành vi Phạm Văn T và Nguyễn Văn D đã cho Trần Văn T15 vay số tiền 12 triệu từ ngày 17/2/2022 đến ngày 14/2/2022 với lãi xuất 3.500đ/01 triệu/01 ngày, nhưng số tiền thu lợi bất chính dưới 30 triệu đồng và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ khoản 2 điều 7 Nghị quyết số 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối C2: “ *Trường hợp người thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nH4 tổng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên và các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự*”, không truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với 77 người vay tiền của T và D mà quá trình điều tra xác định vắng mặt tại địa P nơi cư trú hoặc chưa xác minh được do thiếu thông tin. Cơ quan CSĐT tách phần tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra, xử lý theo đúng quy định pháp luật. Cần kiến nghị cơ quan điều tra thông báo công khai về việc xử lý đối với các trường hợp này.

- Đối với hành vi cho: Trần Thị L, Vũ Xuân K, Kim Văn H1, Nguyễn Văn T3 vay với lãi xuất 2000 đồng đến 2.500 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương lãi suất 72%/năm đến 90%/ năm), chưa đủ mức truy cứu TNHS. Do đó, Cơ quan CSĐT T hành chính tài liệu cùng tang vật đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn D và Phạm Văn T theo quy định tại điểm d khoản 4 điều 12 Nghị định 144 của Chính Phủ và xử lý tang vật theo đúng quy định của pháp luật;

- Đối với 24 hợp đồng mà Nguyễn Văn C2, Phạm Văn T14 đã bán lại cho Phạm Văn T và Nguyễn Văn D. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tuy nhiên chưa xác minh được do thiếu thông tin nên chưa đủ để căn cứ để xác định T và D có vi phạm trong hoạt động cho vay tiền của mình.

- Đối với hành vi của Nguyễn Văn C2 và Phạm Văn T14: Tài liệu điều tra thu thập được đến nay chưa có đủ căn cứ xác định C2 và T14 có vi phạm trong quá trình cho người khác vay tiền hay không. Do đó, Cơ quan CSĐT tách phần

tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo đúng quy định của pháp luật;

[11] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn D phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày 13-4-2023;

1.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày 13-4-2023;

2. Về hình phạt bổ sung:

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn D.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 BLHS, tuyên truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn D sử dụng để cho vay tổng cộng là 640.779.972 đồng. Trong đó, truy thu của các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn D số tiền 311.279.972đ đối trừ với số tiền 44.900.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn H7 và anh Phạm Văn D1 giao nộp theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 100/23 ngày 22/8/2023 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, bị cáo T và bị cáo D mỗi người phải nộp 133.189.986 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) và truy thu của những người vay số tiền 329.500.000 đồng, cụ thể:

1. Anh Nguyễn Minh K 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)
2. Anh Trần Văn T2 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)
3. Chị Nguyễn Thị N 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)
4. Anh Nguyễn Văn H3 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)
5. Anh Lã Văn H4 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)
6. Anh Nguyễn Văn D 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)
7. Anh Lê Xuân H4 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)
8. Ông Vũ Tiến D 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
9. Anh Nguyễn Văn P1 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

10. Anh Nguyễn Văn T3 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng)
11. Anh Nguyễn Văn L1 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
12. Anh Trần Văn H5 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
13. Anh Nguyễn Văn T4 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
14. Anh Nguyễn Việt H4 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)
15. Anh Bùi Văn V 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
16. Anh Hoàng Văn M 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
17. Anh Trương Văn D2 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
18. Anh Lê Văn Hoà 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)
19. Chị Vũ Thị T5 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng)
20. Anh Nguyễn Văn K 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)
21. Chị Nguyễn Thị N 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
22. Anh Phạm Văn K1 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)
23. Anh Phạm Xuân T6 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)
24. Anh Nguyễn Văn C1 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
25. Anh Vũ Văn B 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
26. Anh Phạm Minh P2 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
27. Anh Phạm Văn H6 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)
28. Anh Phạm Văn T3 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)
29. Anh Nguyễn Văn P2 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
30. Chị Hoàng Thị T7 8.600.000 đồng (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng)
31. Chị Nguyễn Thị N1 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)
32. Chị Nguyễn Thị Thuý 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)
33. Anh Đỗ Văn Đ 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)
34. Anh Lê Văn K 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
35. Chị Đoàn Thị T9 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)
36. Bà Đinh Thị D3 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)
37. Anh Nguyễn Văn T10 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)
38. Anh Trần Văn T2 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)
39. Anh Bùi Tiến D 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)
40. Anh Nguyễn Văn N2 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
41. Chị Trần Thị Y 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng)
42. Anh Trần Văn H6 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

- 43. Anh Phạm Văn T11 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)
- 44. Chị Trần Thị M2 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
- 45. Anh Vũ Văn T12 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
- 46. Chị Lã Thị N3 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)
- 47. Chị Đoàn Thị H8 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- 48. Anh Trần Văn T13 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 BLHS năm 2015; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

* Đối với vật chứng chuyển hồ sơ vụ án: Trả lại cho các bị cáo các tài liệu sau nếu các bị cáo có yêu cầu gồm:

- 01 (một) GCN đăng ký kinh D3 số 07J8 004789 mang tên Nguyễn Đức T14, địa điểm: xóm Tây, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

- 01 (một) biên B kiểm tra xác nhận điều kiện về phòng cháy và chữa cháy, phòng nổ do Công an huyện H, tỉnh N lập ngày 14/9/2018;

- 01 (một) GCN đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 41/2018 do Công an huyện H, tỉnh N cấp ngày 17/9/2018;

- 01 (một) sổ quản lý kinh D3 dịch vụ cầm đồ, có chữ ký xác nhận của Phạm Văn T và Nguyễn Văn D;

- 01 (một) sổ theo dõi, có chữ ký xác nhận của Phạm Văn T và Nguyễn Văn D.

* Đối với vật chứng khác:

- Tịch thu hóa giá, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu VSMART màu tím than của Phạm Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu VSMART màu tím than của Nguyễn Văn D.

Trả lại các vật chứng sau cho những người có tên trong giấy tờ sau:

- 24 (hai mươi tư) căn cước công dân;

- 09 (chín) chứng minh nhân dân;

- 03 (ba) giấy phép lái xe;

- 41 (bốn mươi một) đăng ký xe;

- 05 (năm) sổ hộ khẩu;

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Thanh H3 và bà Phạm Thị N3;

- 01 (một) quyết định về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

- 01 (một) Bằng tốt nghiệp đại học đứng tên Bùi Tiến D;
- 01 (một) chứng chỉ Tg Anh bậc 3 đứng tên Lê Xuân H4;
- 01 (một) sổ bảo hiểm đứng tên Trần Thị Y.

Đối với 04 hợp đồng cầm đồ, 53 giấy tờ vay tiền, 01 giấy bán xe là các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cần lưu hồ sơ vụ án. Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nam Định giao cho Tòa án tỉnh Nam Định lưu hồ sơ vụ án.

Chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 100/23 ngày 22/8/2023 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

6. Án phí: Căn cứ Điều 135 BLTTHS năm 2015 và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn D; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tuyên những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền đòi lại số tiền T và D đã thu lời bất chính bằng vụ kiện khác nếu họ có yêu cầu.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh ND;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Hoài Nam
(Đã ký)**